**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM (“QUỸ”)**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng **22.24** (%) kể từ khi thành lập (03/04/2019), thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là +**3.20** (%).

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ VFMVFC là dựa trên cơ sở phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích cơ bản về doanh nghiệp và áp dụng chiến lược phòng vệ rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn và gia tăng lợi nhuận cho danh mục

**1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 69,306,104,798 Đồng Việt Nam, tương ứng với 6,715,931.99 chứng chỉ Quỹ.

**1.8 Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31-12-19** | **31-12-18** | **31-12-17** |
|  |  |  |  |
| Danh mục chứng khoán | 53.02% | NA | NA |
| Tài sản khác | 46.98% | NA | NA |
|  |  |  |  |
| **Cộng** | **100.00%** | **N/A** | **N/A** |

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | **31-12-19** | **31-12-18** | **31-12-17** |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 10,404.44 | NA | NA |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 9,987.93 | NA | NA |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | N/A | N/A | N/A |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 3.41% | N/A | N/A |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 24.46% | N/A | N/A |

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

**2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| 1 năm | N/A | N/A |
| 3 năm | N/A | N/A |
| Từ khi thành lập | 3.20 | 4.31 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | 31/12/2019 | 31/12/2018 | 31/12/2017 | 31/12/2016 |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/ 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A | N/A |

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

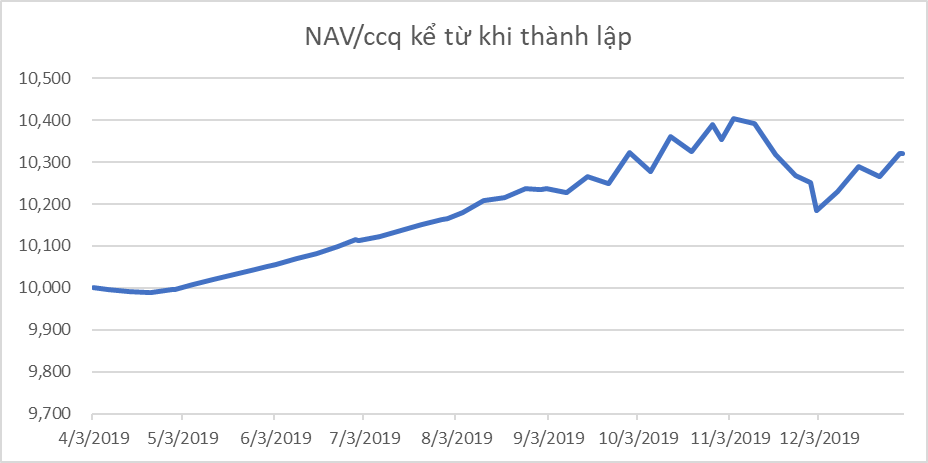
Tháng 12 vừa kết thúc, thị trường dao động theo xu hướng giằng co trong vùng điểm 950 đến 970, liên tục thử thách tâm lý của giới nhà đầu tư với các phiên giao dịch tăng giảm đan xen, tích lũy tạo nền giá vững chắc vùng đáy của năm. Kết thúc tháng 12, VNIndex đóng cửa tại 960,99 điểm, giảm 9,76 điểm tương đương giảm 1,01% so với cuối tháng 11. Khối lượng giao dịch đạt 4,94 tỷ cổ phiếu tăng 15,96%, giá trị giao dịch đạt 96,94 ngàn tỷ đồng tăng 3,42% so với tháng 11. Những điểm chính của thị trường trong tháng vừa qua: i) Thanh khoản thị trường đã được cải thiện khi dòng tiền quay lại bắt đáy; ii) Trong khi đó xu hướng bán ròng của Nhà đầu tư Nước ngoài vẫn tiếp tục diễn ra; iii) Thị trường tiếp tục giai đoạn tích lũy tạo nền vững chắc hơn quanh vùng điểm 950-970.

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
|  |  |  |  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | |  |  | | --- | --- | | |  | | --- | | N/A | | | |  |  | | --- | --- | | |  | | --- | | N/A | | | N/A |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 4.31 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 319.66 |
|  |  |  |  |



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31-12-19** | **31-12-18** | **Tỷ lệ thay đổi** |
|  | **(1)** | **(2)** | **(3)=((1)-(2))/(2)** |
|  |  |  |  |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 69,306,104,798 | N/A | N/A |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 10,319.65 | N/A | N/A |
|  |  |  |  |

Trong giai đoạn 03/04/2019 – 30/09/2019, quỹ VFMVFC có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng trưởng 3.20% do lợi nhuận từ kết quả đầu tư và tăng trưởng của danh mục chứng khoán. Bên cạnh đó, nhờ nguồn vốn mới từ nhà đầu tư nên giúp tổng giá trị tài sản của quỹ tăng 22.24% trong kỳ.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ**  **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 145 | 98,417.96 | 1.49% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 14 | 94,692.09 | 1.40% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 30 | 722,420.78 | 10.75% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 26 | 3,150,646.26 | 46.91% |
| Trên 500.000 | 3 | 2,649,754.90 | 39.45% |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | 218 | 6,715,931.99 | 100.00% |

**4.3 Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ VFC, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ VFC với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cập dịch vụ cho Quỹ.

1. **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Năm 2019 đặc biệt thành công về tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng GDP cả năm 2019 đạt 7,02%, giảm nhẹ so với năm 2018 tuy nhiên cao hơn đáng kể so với mục tiêu 6,8% đã được đặt ra và là mức tăng trưởng cao nhất trong các nước ASEAN. Tăng trưởng GDP 2019 có sự đóng góp lớn nhất từ nhóm ngành sản xuất và xây dựng (50,4%) và ngành dịch vụ (45% tổng tăng trưởng). Bên cạnh đó, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cả năm cũng đạt kết quả tốt hơn mục tiêu đã đề ra. Cụ thể lạm phát cả năm tăng 2,79% so với năm 2018 (Mục tiêu dưới 4%), tỷ giá liên ngân hàng VND-USD giảm 0,1% so với đầu năm (mục tiêu giảm giá VND so với USD 2%), lãi suất cho vay giảm nhẹ, giải ngân FDI đạt 20,4 tỷ USD (năm 2018: 19,1 tỷ USD), xuất và nhập khẩu tăng trưởng tương ứng 8,1% và 7% so với 2018, thặng dư thương mại 9,9 tỷ USD, dự trữ ngoại hối đạt 79 tỷ USD (tăng 20 tỷ USD so với 2018). Mục tiêu tăng trưởng GDP đã được Chính phủ đặt ra cho năm 2020 là 6,8%, là mục tiêu cao trong bổi cảnh tăng trưởng toàn cầu chậm lại.

**6 THÔNG TIN KHÁC**

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ năm 2010 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Thạc sỹ Quản Trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ 2011 đến nay.

**Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

* Bà Nguyễn Bội Hồng Lê, Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Bà từng là Phó phòng phụ trách phòng Quản lý và kinh doanh các sản phẩm đầu tư của Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt nam - PVFC từ 2005 – 2010, Trưởng phòng giao dịch chứng khoán của CTCP Chứng khoán dầu khí từ năm 2010 đến năm 2012 và hiện là Chuyên gia Kinh tế và Quản lý Dầu khí của Viện Dầu khí Việt Nam từ năm 2012 đến nay.
* Bà Vương Thị Hoàng Yến, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên- Trưởng phòng kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AS từ 12/2007 - 4/2012; Kiểm toán viên- Giám đốc kiểm toán của Công ty Hợp danh Kiểm toán FA từ 9/2012 - 5/2013; Kiểm toán viên- Giám đốc kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín từ 6/2013 - 9/2016 và hiện là Kiểm toán viên- Giám đốc kiểm toán của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín từ 10/2016 đến nay.
* Bà Trần Ngọc Hân, Thành viên, Thạc sỹ luật- Luật sư. Bà hiện là Chuyên viên cao cấp phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.

**Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

* Ông Trần Thanh Tân, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông hiện là Tổng giám đốc từ năm 2003 đến nay.
* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu , Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2010 đến nay.
* Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính, Thạc sỹ Tài chính – kinh tế. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.

|  |  |
| --- | --- |
| Tp.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2020  **Tổng Giám đốc**  **TRẦN THANH TÂN** |  |